

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO NHANH
Tình hình phòng, chống dịch COVID-19
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 13/01/2022
(Từ 17h00 ngày 12/01/2022 đến 17h00 ngày 13/01/2022)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Nơi phát hiện					Tích lũy ca mắc	DTTS	Xuất viện	Tử vong
			Cộng đồng	CL tại nhà	Khu cách ly	Khu PT	Sàng lọc				
1	TP.BMT	45	29	14	0	0	2	3744	1029	3376	26
2	H. Lắk	27	2	1	0	24	0	903	763	536	1
3	H. Krông Bông	25	9	16	0	0	0	340	126	254	0
4	H. Krông Buk	13	0	13	0	0	0	1084	930	924	6
5	H. Ea H'Leo	0	0	0	0	0	0	608	110	512	2
6	H. Krông Pắc	14	6	1	0	7	0	618	184	473	5
7	H. Krông Ana	13	3	10	0	0	0	998	589	759	3
8	H. Cư M'Gar	15	6	9	0	0	0	1394	730	1209	8
9	H. Ea Súp	2	0	2	0	0	0	324	97	158	1
10	H. M'Đrăk	0	0	0	0	0	0	207	97	120	0
11	H. Krông Năng	0	0	0	0	0	0	376	250	317	2
12	H. Ea Kar	4	4	0	0	0	0	615	282	371	0
13	H. Buôn Đôn	4	3	1	0	0	0	240	68	184	0
14	H. Cư Kuin	7	4	3	0	0	0	896	541	804	4
15	TX. Buôn Hồ	6	0	0	0	6	0	1391	615	1210	16
	TỔNG	175	66	70	0	37	2	13738	6411	11207	74

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tính đến ngày 13/01/2022 ghi nhận **13.738** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **11.207** trường hợp xuất viện, **74** trường hợp tử vong, hiện còn điều trị **2.457** trường hợp.

- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **46,7%** số ca mắc
- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **734,9/100.000** dân
- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.
- Chi tiết một số chùm ca bệnh (theo phụ lục 1)

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly*	Mới	Tích lũy	Còn cách ly*
1	Tuyên tỉnh	0	3	2			
2	TP.BMT	0	118	86	84	1352	740
3	TX. Buôn Hồ	8	39	1	123	802	947
4	H. Ea H'Leo	0	16	0	10	411	34
5	H. Krông Năng	0	0	0	7	322	215
6	H. Cư M'Gar	7	77	7	165	1130	629
7	H. M'Đrăk	-	53	5	-	853	595
8	H. Ea Kar	18	120	106	85	1395	974
9	H. Krông Pắc	3	26	5	159	1612	1612
10	H. Krông Bông	0	54	12	340	2256	1459
11	H. Krông Ana	2	9	0	10	317	257
12	H. Cư Kuin	0	0	0	11	416	263
13	H. Lắk	0	0	0	22	389	301
14	H. Buôn Đôn	1	48	32	139	646	510
15	H. Ea Sup	0	0	0	645	1349	898
16	H. Krông Buk	0	0	0	35	393	236
	TỔNG	39	563	256	1835	13543	9670

* Số đang cách ly tính cả từ năm 2021 chuyển qua

b) Khu vực phong tỏa:

- Số khu vực phong tỏa: 311 khu vực; đã giải tỏa: 291 khu vực
- Còn lại: 20 khu vực đang phong tỏa.

(Cập nhật chi tiết tại đường link <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1FToKXiONnwUTEK7VqfBp22Rf71yBI7lxSDYjd2ZWtqo/edit#gid=644602066>)

c) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện/TX/TP (từ 01/01/2022)

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Cộng dồn
1	TP.BMT	42	63	644
2	TX. Buôn Hồ	11	54	435
3	H. Ea H'Leo	27	75	641
4	H. Krông Năng	8	7	315
5	H. Cư M'Gar	41	73	442
6	H. M'Đrăk	45	-	317
7	H. Ea Kar	121	136	1070
8	H. Krông Pắc	347	308	3474
9	H. Krông Bông	69	59	549
10	H. Krông Ana	0	0	280
11	H. Cư Kuin	13	9	175
12	H. Lắk	7	12	47
13	H. Buôn Đôn	0	0	180
14	H. Ea Sup	32	64	196
15	H. Krông Buk	-	0	8
	TỔNG	763	860	8773

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	184	0	657	0					
2	TP.BMT	520	75	3453	621	0	0	0	0	0
3	TX. Buôn Hồ	26	6	394	42	0	0	0	0	0
4	H. EaH'Leo	52	3	9211	63	0	0	0	0	0
5	H.Krông Năng	14	1	272	13	0	0	0	0	0
6	H. Cư M'Gar	78	13	1376	80	0	0	0	0	0
7	H. M'Đrăk	-	-	1528	48	-	-	0	0	0
8	H. Ea Kar	435	3	2574	194	0	0	0	0	0
9	H. Krông Pắc	250	8	4278	97	0	0	0	0	0
10	H.Krông Bông	270	5	2233	80	0	0	0	0	0
11	H. Krông Ana	71	13	1345	139	0	0	0	0	0
12	H. Cư Kuin	5	1	271	47	0	0	3	2	0
13	H. Lắk	27	6	1089	202	0	0	33	26	0
14	H. Buôn Đôn	150	0	1523	30	0	0	2	1	0
15	H. Ea Sup	0	0	123	123	0	0	37	37	0
16	H. Krông Buk	80	28	377	134	0	0	0	0	0
	TỔNG	2162	162	30704	1913	0	0	75	66	0

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19

a) Tổng số vắc xin đã nhận

	Loại vắc xin	Vắc xin nhận	Số mũi tiêm thực hiện	Tỷ lệ (%)
	TỔNG	2,780,588	2,794,443	100.5
1	AstraZeneca	774,950	831,433	107.3
2	Comirnaty	954,078	896,425	94.
3	Moderna	61,320	62,687	102.2
4	Sinopharm	990,240	1,003,898	101.4

b) Kết quả tiêm vắc xin như sau:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Tích lũy					
			Mũi 1		Mũi 2		Liều bổ sung	Liều nhắc
			Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	ĐT 18 tuổi trở lên	1.269.372	1.231.986	97,1	1.170.866	92,2	76.834	61.204
2	ĐT từ 50 tuổi trở lên	361.984	349.070	96,4	332.501	91,9	2.469	10.157
3	ĐT từ 65 tuổi trở lên	103.549	103.549	100,0	94.098	90,9	1.284	3.608
4	PNCT từ 13 tuần tuổi thai	22.934	22.934	100,0	21.476	93,6	163	1.079
5	TE 15-17 tuổi	80.616	77.850	96,6	68.655	85,2		
6	TE 12-14 tuổi	105.348	98.443	93,4	12.131	11,5		

5. Công tác điều trị trong ngày

a) Tình hình biến động bệnh nhân trong ngày: Tổng số bệnh nhân COVID-19: 13.738 trường hợp. có 11.207 trường hợp ra viện. 74 trường hợp tử vong. hiện còn điều trị 2.457 trường hợp.

- Tại các cơ sở thu dung điều trị:

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	45	0	0	49	0	45	0
2	BV Dã chiến 02	1500	44	0	0	42	0	44	0
3	TTYT Krông Búk	230	24	0	0	31	0	24	0
4	BV khu vực 333	300	60	0	0	9	0	60	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	100	8	0	0	10	0	8	0
6	BVĐK Vùng TN	92	5	0	0	2	0	5	0
	Tổng	3222	186	0	0	143	0	186	0

- Điều trị F0 tại nhà: mới 12 trường hợp. tích lũy **321** trường hợp. 155 trường hợp khỏi bệnh. chuyển tuyến 02 trường hợp. hiện còn điều trị **164** trường hợp.

b) Phân loại tình trạng bệnh nhân

- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n=1.849)

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch				Hội chứng viêm hệ thống liên quan COVID-19 TE
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác	
1	BV Dã chiến 01	419	391	0	0	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	203	256	0	0	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	182	9	0	0	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	91	177	1	0	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	0	0	66	5	0	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	3	9	14	18	5	0	0	0	0
	Tổng	898	842	81	23	5	0	0	0	0
	Tỷ lệ %	48.6	45.5	4.4	1.2	0.3	0.0	0.0	0.0	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n=1.849)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	810	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	459	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	191	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	268	1	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	66	5	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	17	24	3	0	5	0
	Cộng	1811	30	3	0	5	0
	Tỷ lệ %	97.9	1.6	0.2	0.0	0.3	0.0

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều **238** nhân lực/ tổng **1.586** lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (*Chi tiết tại phụ lục 2*).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 ngày 13/01/2022 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục 1: CHI TIẾT CÁC CHÙM CA BỆNH

TT	Chùm ca bệnh	F0
1	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại thôn Nam Hòa. Xã Dray Bhang. Cư Kuin.	18
2	Liên quan Fo Y Ngheo Mgiao tại buôn Drah 2. Cư Né. Krông Buk	55
3	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng. chưa rõ nguồn lây tại Buôn Mrông A. Mrông B. Mrông C. TDP 3A. 3B. 4- TT Ea Kar	134
4	Chùm ca bệnh tại Buôn Kô Siêr. P. Tân Lập. BMT	3
5	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1. 2. 3. 7. 9. 11. 12. thôn 8. buôn Hluk. buôn Ciêt - xã Ea Tiêu. Cư Kuin. Lây sang thôn 4. Cư Ebur. BMT	144
6	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 22. 24. thôn 13. Ea Ning. Cư Kuin	14
7	Chùm ca bệnh liên quan BN điều trị nội trú tại BVĐK Vùng Tây Nguyên	60
8	Chùm ca bệnh cộng đồng tại buôn Tuôr A. Tuôr B. buôn Kala. buôn Anna - Xã Dray Sap. Krông Ana	146
9	Liên quan chùm ca bệnh tại 221. 189/1/45 Mai Hắc Đế. Tân Thành. BMT	10
10	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dong Bắk. xã Yang Tao. Lắk. lây qua buôn Yok Đuôn	59
11	Liên quan chùm ca bệnh tại Pai Pi. xã Đăk Nuê. Lắk Fo Y Song Pang Tỉng. Lây sang buôn Mih. buôn Dham 2. buôn Kdie 1- Đăk Nuê	181
12	Chùm ca bệnh tại Thôn 1. 7.9. 11. thôn 12. Hòa Phú. BMT	34
13	Chùm ca bệnh tại buôn Dham. Xã Ea Bông. Krông Ana	92
14	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Sut Mdrang. Thôn 2. 3 Cư Suê. Cư M'Gar	41
15	Chùm ca bệnh tại buôn Hwiê. buôn Cư Mblim. buôn Kao. thôn 4. thôn 3. thôn Tân Hưng. Thôn Cao Thắng - xã Ea Kao. BMT	87
16	Chùm ca bệnh tại TDP 1.3.4 .5.6– TT Buôn Tráp – Krông Ana	44
17	Liên quan đến chùm ca bệnh Buôn Mgam. buôn Mlóc B. buôn Tai - xã Krông Jing. M'Đrăk	25
18	Chùm ca bệnh tại Buôn Cuê. Xã Băng Adrênh. Krông Ana. Lây sang buôn K62. Băng Adrênh.	72
19	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dur Kmal. xã Dur Kmal. Krông Ana.	25
20	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Kruê. Ea Bông. Krông Ana	4
21	Liên quan chùm ca bệnh tại Cư Huê. Ea Kar	34
22	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Suk. buôn Tong Sinh. Xã Ea Đar. Ea Kar	16
23	Liên quan chùm xã Hòa Tân. Huyện Krông Bông. Đăk Lắk	30
24	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ga. Xã Ea Kmút. Ea Kar	30
25	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mùi 2. Mùi 3- Cư Né. Krông Búk	54
26	Liên quan chùm ca bệnh thôn Đăk Rmút. Xã Krông Nô. Lắk	16
27	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Yol. Đăk Nuê. Lắk	52
28	Chùm ca bệnh tại thôn Quỳnh Tân 2. Quỳnh Tân 3. TT Buôn Tráp. Krông Ana	19
29	Liên quan chùm ca bệnh tại TDP2. TDP3. TDP5. TDP 7. TDP 9. Phường Tân Hòa. BMT	24
30	Chùm ca bệnh tại thôn 13. 14. Ea Tútt. xã Pong Drang. Krông Buk	26
31	Chùm ca bệnh tại buôn Yon. Xã Bông Krang. Huyện Lắk	6
32	Chùm ca bệnh tại Cư Mlan. Ea Súp lây sang buôn Păn Lăm. P Tân Lập. BMT	22
33	Chùm ca bệnh tại chợ TT Ea Súp. Ea Súp	72
34	Chùm ca bệnh tại buôn Yông Hắt. Krông Nô. Lắk	200
35	Liên quan chùm ca bệnh tại KCN Hòa Phú. BMT	12
36	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Yông B. Ea Đơng. Cư M'Gar	5
37	Liên quan chùm ca bệnh tại TT Krông Kmar. Krông Bông	7

TT	Chùm ca bệnh	F0
38	Chùm ca bệnh tại buôn Hma, Ea Bông, Krông Ana	7
39	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn Ea Pông, xã Ea Sin, Krông Buk	51
40	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Ktur, Cư Kuin	16
41	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Mao, Ea Yiêng, Krông Pắc	27
42	Liên quan chùm ca bệnh tại Cai A, Trang Yôk – Krông Nô, Lắk	10
43	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, thôn 4 – Cư Ebur - BMT	32
44	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Xê Đăng, xã Ea Sar, huyện Ea Kar	97
45	Liên quan chùm ca bệnh tại Xã Quảng Hiệp, Quảng Tiến, Cư M'Gar	35
46	Liên quan chùm ca bệnh tại 116/3/20 Y Moal, Phường Tân Lợi, BMT	15
47	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Dho, xã Cư Pong, Krông Buk	37
48	Liên quan chùm ca bệnh tại xã Ea Trang, M'Đrăk	23
49	Liên quan chùm ca bệnh Cư Pui, Krông Bông	19
50	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mblót, xã Ea Bông, Krông Ana	8
51	Liên quan chùm ca bệnh buôn Kroa B, Cưôr Đăng, Cư M'Gar	6

Phụ lục 2: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/NHS/YS	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2	0								2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	0	0						11	0	11	20
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	16	33	3	6	4	2		10	11	85	237
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk	13	25	2	2	3			8	6	59	71
5	Bệnh viện Dã chiến số 03 tỉnh Đắk Lắk											58
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			0				5			5	36
7	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột						2	10	17		29	618
8	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0				0				0	14
9	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2	0	0	0			0		0	2	202
10	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	3	8	8				0	6		25	75
11	Khu cách ly Ký túc xá Trường ĐH Tây Nguyên	4	5				1				10	44
12	KCL Trường CĐ Công nghệ TN	4	6								10	10
13	Khu cách ly Trường Chính trị										0	21
14	Khu cách ly Dây nhà bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3		0							0	0	2
15	Khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk										0	8
16	KCL Phân hiệu Trường ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk										0	8
17	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên							0			0	28
18	Trường THPT DTNT N'Trang Long							0			0	70
19	Trường THCS Hòa Phú		0	0							0	40
TỔNG CỘNG		44	77	13	8	7	5	15	52	17	238	1586

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	KTV	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	39	73	13	9	7	3	0	0	13	157	754
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	5	1	1	3	1	0			0	11	82
1.3	BVĐKTP.Buôn Ma Thuột	9	14	1	0	0	1			5	30	86
1.4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	6	1	8						1	16	41
1.5	Trung tâm Y tế Buôn Đôn	1	2				0				3	25
1.6	Bệnh viện Y HCT		2		0	1				0	3	82
1.7	Trung tâm Y tế Cư M'gar	0	5	0							5	58
1.8	TT Kiểm nghiệm thuốc. mỹ phẩm. thực phẩm			0	3						3	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	0	0								0	8
1.10	TTYT huyện Lắk	3	5								8	18
1.11	TTYT huyện Krông Pắc	0	2								2	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	0	0	0							0	17
1.13	TTYT huyện Krông Búk						0				0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	11
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		0								0	24
1.16	Bệnh viện Tâm thần	0	3			1					4	15
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2	0						0	3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng	0	2	0	0					0	2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	3	5			1					9	23
1.20	TTYT huyện M'Drăk		3	1							4	8
1.21	TTYT huyện Krông Ana		0								0	2
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2	4	0	0					0	6	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin	8	16	2	3	3	1			7	40	47
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		6					0		0	6	80
2	Bệnh viện tư nhân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	22
2.1	BVĐK Thiện Hạnh	0									0	11
2.2	BV Nhi Đức Tâm	2									2	2
2.3	BVĐK Hòa Bình	0	0		0						0	9
3	Y tế tư nhân (Phòng khám đa khoa. Phòng khám chuyên khoa....)										0	0
4	Cán bộ y tế lưu trí										0	0
5	Trường ĐH. CĐ	0	0	0	0	0	0	15	0	0	15	696
5.1	Trường ĐH BMT										0	283
5.2	Trường ĐH Tây Nguyên							15			15	345
5.3	Trường Cao đẳng Y tế							0			0	68
6	Bệnh viện Bạch Mai	0	0							0	0	9
7	Sở Y tế TP Hồ Chí Minh						0				0	2
8	Tình nguyện viên								64		64	103
TỔNG CỘNG		41	73	13	9	7	3	15	64	13	238	1586